

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-02-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đăng Tổ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung

Ông Nguyễn Trọng Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H** - sinh năm: 1986; địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 97/3, Ấp Phương M2, xã Phú L, huyện P, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T** - sinh năm 1984; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 13, Ấp Ngọc L 2, xã Phú X, huyện P, Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú X, huyện P, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2016.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị hạnh phúc, đầm ấm được 04 (bốn) tháng thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề tiền bạc, anh T cho rằng chị H chi tiêu tài chính không hợp lý nên giữa chị và anh T thường hay cãi vã nhau. Vào tháng 4/2017, chị H đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T, nhưng do thời gian này con chung còn quá

nhỏ và bản thân chị cũng muốn cho vợ chồng có thêm cơ hội để đoàn tụ gia đình, vì vậy chị đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Mặc dù vậy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ khi vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn thì chị đã về nhà bố mẹ ruột ở địa chỉ Ấp Phương M 2, xã Phú L sinh sống và làm việc cho đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân hôn 01 (một) năm. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về nuôi con chung: Theo chị H, vợ chồng chị có 01 (một) con chung là cháu Hoàng L, sinh ngày 26/10/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm thời, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con do bản thân chị có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung trưởng thành về mọi mặt.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ sao gửi tài liệu, chứng cứ; đơn đề nghị Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn. Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của bị đơn; Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T; về con chung: Đề nghị giao cháu Hoàng L, sinh ngày 26/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị H không yêu cầu; về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Hoàng Văn T, tranh chấp về nuôi con chung là Hoàng L, sinh ngày 26/10/2016. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Hoàng Văn T cư trú tại xã Phú X, huyện P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Hoàng Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (Bút lục số 32).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú X, huyện P, tỉnh Đồng Nai vào ngày 30/3/2016, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, vào sổ cấp giấy số 30/2016 (bút lục số 07), do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị H và anh T đầm ấm, hạnh phúc được 04 (bốn) tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T khó khăn trong vấn đề quản lý tài chính, cho rằng chị H chi tiêu không hợp lý, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Từ cuối năm 2016 chị H đã về nhà bố mẹ ruột ở địa chỉ Ấp Phương M 2, xã Phú L sinh sống. Kể từ ngày vợ chồng không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng (Bút lục số 34, 35). Do đó, có đủ cơ sở xác định, trong quá trình sống chung chị H, anh T đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là có cơ sở.

Anh T thừa nhận, mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị H trình bày, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với lý do là anh vẫn còn tình cảm với chị H, từ ngày vợ chồng không còn sống chung, anh vẫn thường xuyên thăm nom, chăm sóc con chung, tình cảm vợ chồng vẫn còn, vì vậy anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Mặc dù vậy, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần tham gia hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, điều này thể hiện anh T không có thiện chí để hòa giải. Hơn nữa, trên thực tế chị H và anh T đã không sống chung từ năm 2016, do đó đề nghị được đoàn tụ gia đình với chị H của anh T là không có cơ sở.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T thừa nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Hoàng L, sinh ngày

26/10/2016. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm thời chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; trường hợp phải ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu và ý kiến của các đương sự về việc giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Bởi lẽ, con chung từ trước đến nay sống ổn định cùng chị H, để không xáo trộn đời sống của con trẻ, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T do chị H không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh Hoàng Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hoàng Văn T

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Hoàng L, sinh ngày 26/10/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung....)

1.3. Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị H, anh T khai không có, nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 007238 ngày 06/10/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Chị H sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú X (để ghi vào sổ hộ tịch
ĐK số 30 ngày 30/3/2016);
- Lưu HS – LT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố